

Bản án số 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày 09/9/2021

“V/v ly hôn và nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông và ông Hồ Quang Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hường – Thư ký TAND huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Tuấn Anh – c/v: Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 51/2021/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 4 năm 2021 về việc *“Ly hôn và nuôi con khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23/8/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh năm 1997 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Y, xã N, huyện K, Đắk Nông

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993 (vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: Thôn Y, xã N, huyện Krông Nô, Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 22/3/2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án chị Nguyễn Thị Quỳnh T bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Quỳnh T kết hôn với anh Nguyễn Văn Đ ngày 26/12/2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Việc kết hôn do hai bên tự nguyện không bị ai ép buộc gì. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau, vợ chồng không có sự hòa hợp trong cuộc sống, anh Đ không lo làm ăn, bỏ bê vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi vã mâu thuẫn xảy ra trầm trọng cuộc sống hôn nhân không đạt được. Đến tháng 7/2019 chị T và anh Đ không còn sống chung cho

đến nay. Nay, chị T không còn tình cảm với anh Đ. Vì vậy, chị T làm đơn ly hôn với anh Đ.

Về con chung: chị Nguyễn Thị Quỳnh T và anh Nguyễn Văn Đ có 01 con chung là Nguyễn Xuân P, sinh ngày 09/9/2015, chị T có nguyện vọng được nuôi con đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con, tại đơn khởi kiện chị T yêu cầu anh Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/1 tháng. Quá trình giải quyết vụ án chị T xin rút phần cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ thừa nhận đúng như chị T đã trình bày, anh Đ kết hôn với chị T ngày 26/12/2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Việc kết hôn do hai bên tự nguyện không bị ai ép buộc gì. Sau khi kết hôn anh Đ, chị T sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Tuy nhiên do anh Đ và chị T đã có 01 con chung và tài sản chung chưa được giải quyết rõ ràng nên anh Đ không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Quá trình chung sống anh Đ, chị T có một con chung là cháu Nguyễn Xuân P, sinh ngày 09/9/2015, anh Đ có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt không có lý do.

Đại diện VKSND huyện Krông Nô phát biểu quan điểm: Ngày 10/5/2021 TAND huyện Krông Nô lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành của các đương sự (*nội dung: Các đương sự đồng ý ly hôn và giao con chung cho Nguyên đơn nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng, về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết*). Đến ngày 17/5/2021, bị đơn Nguyễn Văn Đ có đơn thay đổi biên bản hòa giải ngày 10/5/2021, nội dung chính “*Sau khi hòa giải thành vào ngày 10/5/2021, chị T ngăn cản việc anh Đ thăm nuôi con chung, tài sản chung không được chị T giải quyết rõ ràng nên thay đổi toàn bộ nội dung hòa giải ngày 10/5/2021, đề nghị Tòa án hòa giải lại*”. Nhận thấy vụ án phải được hòa giải theo quy định tại Điều 54, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 205 BLTTDS. Bị đơn có đơn yêu cầu hòa giải lại để giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, thay đổi toàn bộ nội dung hòa giải vào ngày 10/5/2021. Tuy nhiên Tòa án không tiến hành hòa giải (hồ sơ vụ án không có thông báo về việc hòa giải, không có biên bản về việc không tiến hành hòa giải được hoặc biên bản hòa giải không thành) ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù bị đơn vắng mặt nhưng xét thấy việc xét xử vụ án ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn, vi phạm

ng nghiêm trọng thủ tục tố tụng; đề nghị HĐXX khắc phục vi phạm trên, giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: chị Nguyễn Thị Quỳnh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết về con chung. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”. Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ có nơi cư trú tại thôn Y, xã N, huyện K, Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án. Ngày 10/5/2021, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các đương sự và tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không đồng ý đoàn tụ gia đình và thống nhất ly hôn, trong đó các đương sự thỏa thuận được với nhau về vấn đề giải quyết trong vụ án dân sự. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 5 Điều 211 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình Tòa án lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành. Biên bản này đã được gửi ngay cho chị T, anh Đ tham gia hòa giải. Tuy nhiên trong thời hạn 07 ngày (đến ngày 17/5/2021) anh Nguyễn Văn Đ không thống nhất nội dung hòa giải, có đơn yêu cầu thay đổi nội dung hòa giải ngày 10/5/2021. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Văn Đ nhưng anh Đ vẫn không có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ những căn cứ trên, xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành hòa giải lại theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 203, Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét thấy việc Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Quỳnh T và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn vào ngày 26/12/2014 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Quỳnh T: Năm 2014 chị T, anh Đ kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã mâu thuẫn xảy ra trầm trọng cuộc sống hôn nhân không đạt được, đến tháng 7/2019 chị T và anh Đ đã ly thân. Tại biên bản xác minh ngày 03/8/2021 Ban tự quản thôn Y, xã N nơi chị T, anh Đ sinh sống cho biết: Mâu thuẫn vợ chồng của chị T, anh Đ do anh Đ hay chơi Game, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, hiện nay chị T, anh Đ không còn sống chung với nhau. Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm,

tình yêu thương từ cả hai phía vợ, chồng; dựa trên sự bình đẳng, tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau. Chị T, anh Đ không còn tình cảm yêu thương, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Như vậy, xét yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử căn áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 và những căn cứ trên để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Quỳnh T.

[2] Về con chung: Chị T, anh Đ có một con chung là Nguyễn Xuân P, sinh ngày 09/9/2015, chị T, anh Đ đều có nguyện vọng được nuôi con.

Xét yêu cầu được nuôi con Nguyễn Xuân P của chị T và anh Đ, Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Đ đến phiên tòa nhưng anh Đ không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình. Chị T là mẹ ruột của cháu P, từ thời điểm vợ chồng không còn sống chung từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đến ngày xét xử cháu P được 06 tuổi, cần có sự chăm sóc của mẹ để phát triển toàn diện, chị T nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Mặt khác chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Do chị T và anh Đ không thỏa thuận được vấn đề nuôi con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì *“2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con...”*.

Do đó, Hội đồng xét xử căn áp dụng Điều 58; 81; 82; 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung là Nguyễn Xuân P cho chị T trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án chị Nguyễn Thị Quỳnh T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Quỳnh T ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. *Về con chung:* Giao con chung Nguyễn Xuân P, sinh ngày 09/9/2015 cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ 18 (mười tám) tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị Quỳnh T, anh Nguyễn Văn Đ có các quyền, nghĩa vụ theo các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Nguyễn Thị Quỳnh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Buộc chị Nguyễn Thị Quỳnh T phải nộp số tiền 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 600.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0004114, ngày 01 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô. Hoàn trả chị Nguyễn Thị Quỳnh T 300.000 đồng.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS H. K;
- UBND xã Đ;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký và đóng dấu)
Võ Thị Nhi